

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ - ST

Ngày 04 - 10 - 2021

“V/v: Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANHQUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Kim Thủy

Ông Bùi Hữu Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 84/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 60/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐST – HNGĐ ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Lee Mu J, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số F, lộ H, khóm I, phố T, thị trấn T, huyện N, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Qua mai mối, bà Nguyễn Thị L và ông Lee Mu J đã tiến hành tìm hiểu và qua đã tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 125, ngày 23/12/2019. Sau khi kết hôn bà L cùng chồng sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó một thời gian ông Lee Mu J trở về Đài Loan sinh sống, còn bà L thì ở tại Việt Nam làm thủ tục đề xuất

cảnh. Nhưng từ sau khi ông Lee Mu J trở về Đài Loan thì không có ý định rước bà L về Đài Loan và đã cắt đứt liên hệ với bà L. Mặc dù bà L đã tìm mọi cách để liên hệ với ông Lee Mu J nhưng không thể liên hệ được. Nay bà Nguyễn Thị L nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Lee Mu J.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Lee Mu J không có con chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Giữa bà L và ông Lee Mu J không có tài sản chung, không có nợ chung, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lee Mu J từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự cho ông Lee Mu J, nhưng ông Lee Mu J vắng mặt và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì để phản hồi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lee Mu J theo quy định của pháp luật; Về con chung và tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, địa chỉ thường trú tại khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, khởi kiện xin ly hôn với ông Lee Mu J là người có quốc tịch Đài Loan và đang cư trú tại Đài Loan. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L với ông Lee Mu J có yếu tố nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[2] Bị đơn ông Lee Mu J đã được Tòa án tiến hành thực hiện ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Ông Lee Mu J đã được triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành văn bản tố tụng của Tòa án và cũng không có gửi văn bản nêu ý kiến gì để phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Căn cứ vào khoản 1 Điều

447 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lee Mu J.

Ngày 28/9/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lee Mu J đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2019 tại Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang, quan hệ hôn nhân của bà L và ông Lee Mu J được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Sau khi kết hôn, bà Nguyễn Thị L và ông Lee Mu J chung sống cùng nhau tại Việt Nam, sau đó ông Lee Mu J trở về Đài Loan, không đón bà L xuất cảnh và mất liên lạc với nhau. Hiện tại bà Nguyễn Thị L và ông Lee Mu J sống ly thân, không còn liên lạc với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lee Mu J không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lee Mu J.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 470; Điều 474; Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Thông tư số 12/2016/TTLT – BTP – BNG - TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ N và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lee Mu J.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

3. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị L đã nộp theo Biên lai thu số 006514 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp bà Nguyễn Thị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009670 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hậu Giang thành lệ phí ủy thác tư pháp.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phụng